

Bản án số: 448/2022/HS-ST

Ngày: 28-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Chính

2. Ông Mai Thanh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đường Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 373/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 479/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Văn Võ L, sinh năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Giám đốc; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Văn Võ Th (chết) và bà Trương Thị Thanh G (chết); Vợ Quách Thị Ngọc D, sinh năm 1985, có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án: Ngày 23/02/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 17/2012/HS-ST). Chưa đóng án phí. Ngày 14/12/2012, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 769/2012/HSPT ngày 14/12/2012). Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 02 năm tù mà Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo tại Bản án số 17/2012/HS-ST ngày 23/02/2012, buộc bị cáo Văn Võ L phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm 6 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/10/2015. Chưa đóng án phí và nộp sung quỹ nhà nước. (Bản án số

769/2012/HSPT ngày 14/12/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tính Bản án số 17/2012/HS-ST ngày 23/02/2012 là tái phạm, nên lần phạm tội này không tính là tái phạm nguy hiểm); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/9/2004, bị Tòa án quân sự trung ương xử phạt 05 năm tù về tội “Nhận hối lộ” (Bản án số 24 ngày 23/9/2004), chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2005, đã đóng án phí; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2021 và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Công ty Cổ phần T

Địa chỉ: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Mạnh Hiền H (có mặt)

Địa chỉ: Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Công ty Cổ phần T (vắng mặt)

Địa chỉ: Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Hoài N, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Anh Huỳnh Minh T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Anh Tạ Quang Nh, sinh năm 1998 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Chị Mai Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận

7. Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

8. Chị Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

9. Công ty Diệu L (vắng mặt)

Địa chỉ: huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

10. Chị Văn Thị Quỳnh M, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần T chuyên kinh doanh gạch men ốp lát nhà và công trình do ông Vũ Văn B làm Tổng giám đốc có trụ sở tại số Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 22/4/2019, ông B ký Quyết định số 0104/QĐ/TACA-2019 bổ nhiệm Văn Võ L làm giám đốc Showroom Chi nhánh Công ty T (gọi tắt Showroom Lê Văn Việt) tại địa chỉ: phường Hiệp Phú, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Theo bảng phân công mô tả công việc thì Văn Võ L có nhiệm vụ và quyền hạn “...Tổ chức quản lý chặt chẽ công nợ, tiền bán hàng hằng ngày, quản lý tài sản, hàng hóa tại Showroom, phối hợp với bộ phận liên quan kiểm kê định kỳ theo quy định của Công ty...”. Trong thời gian làm việc tại Showroom Lê Văn Việt, Văn Võ L đã lợi dụng là giám đốc của Showroom Lê Văn Việt, chiếm đoạt tài sản của Công ty T do mình quản lý, cụ thể:

Ngày 31/8/2019, L thu tiền của khách hàng Nguyễn Thị Lan Ch số tiền 244.295.432 đồng (Theo sổ chi tiết công nợ, phiếu xuất kho từ ngày 31/7/2019 đến ngày 07/11/2019).

Ngày 07/01/2020, L thu tiền của khách hàng Công ty Diệu L số tiền 96.728.372 đồng (Theo phiếu thu ngày 07/01/2020, phiếu xuất kho ngày 10/01/2020).

Ngày 05/3/2020, L yêu cầu cấp dưới là nhân viên bán hàng Nguyễn Quang M thu tiền bán hàng và đưa lại cho L số tiền 35.735.040 đồng (Theo phiếu xuất kho ngày 04/3/2020).

Sau những lần L thu tiền, L không nộp cho Công ty T, mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân. Tổng cộng số tiền là 376.758.844 đồng.

Ngoài ra, ngày 07/3/2020 và ngày 10/3/2020, chị Mai Thị H phụ trách công việc thủ quỹ và giữ kết sắt tại Showroom Lê Văn Việt bị bệnh phải điều trị tại bệnh viện nên chị H đã cung cấp mật khẩu cho chị Nguyễn Thị D là nhân viên kinh doanh Showroom Lê Văn Việt để chị D thu tiền của khách hàng bỏ vào kết sắt. Văn Võ L là giám đốc của Showroom Lê Văn Việt yêu cầu chị Nguyễn Thị D cung cấp mật khẩu kết sắt cho L, sau đó L mở kết sắt và lấy số tiền 120.500.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Sau đó, ông B phát hiện Chi nhánh Showroom Lê Văn Việt bị thất thoát số tiền 497.258.844 đồng do L chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân, gồm 376.758.844 đồng là tiền L thu từ các khách hàng tại Showroom Lê Văn Việt và 120.500.000 đồng L lấy tiền trong kết sắt của Showroom Lê Văn Việt nhưng chưa hoàn trả lại cho Công ty. Ngày 12/3/2020, L đã tự làm bản tường trình thừa nhận việc lấy số tiền trên sử dụng vào mục đích cá nhân và cam kết đến ngày 20/3/2020 sẽ hoàn trả đầy đủ lại cho Công ty. Tuy nhiên, đến ngày 26/3/2020, ông B vẫn chưa nhận được tiền và không liên lạc được với L nên ông B đã đến Công an phường Hiệp Phú trình báo sự việc.

Ngày 26/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Văn Võ L về tội “Tham ô tài sản”.

Ngày 03/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) ra Quyết định truy nã đối với Văn Võ L.

Ngày 27/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Văn Võ L về tội “Tham ô tài sản”.

Ngày 29/12/2021, Văn Võ L bị Công an phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai bắt theo Quyết định truy nã. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Văn Võ L đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên, ngoài ra L còn khai trong thời gian bị truy nã, do không có tiền tiêu xài nên Văn Võ L nảy sinh ý định lừa đảo người khác để chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền, cụ thể:

Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 15/12/2021, L lên mạng xã hội Facebook, thấy anh Phạm Quốc V đăng thông tin lên mạng bán điện thoại. L sử dụng số điện thoại 0931559732 liên lạc với anh V và sử dụng tên là Nguyễn Đăng Kh để đặt hàng.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, L nhận được điện thoại của nhân viên Thế giới di động để xác nhận đơn đặt hàng của L là 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max 256 GB, màu Gold, số Imei: 357177503131604, có trị giá là 36.490.000 đồng, địa chỉ giao hàng là Công ty “Rita”, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và hẹn 02 tiếng sau sẽ giao hàng.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, L điều khiển xe mô tô Sirius màu đỏ đen, biển số 816.82, mặc áo sơ mi tay dài vải màu trắng, quần tây dài vải màu đen, đi giày da màu đen, đội nón bảo hiểm màu trắng đến gửi xe trước sân của Công ty “Rita” rồi mở cốp xe lấy 02 chai nước suối hiệu “AQUAFINA” đi đến lầu 1 phòng trưng bày sản phẩm của Công ty “Rita” và đặt 02 chai nước suối lên trên bàn gỗ. Lúc này, anh Nguyễn Hoài N là nhân viên Thế giới di động, gọi điện cho L để giao hàng thì L trở lại trước sân của Công ty “Rita” đón anh N rồi dẫn anh N đến lầu 1 Công ty “Rita” và lấy 02 chai nước suối để sẵn trước đó, L tiếp tục dẫn anh N lên lầu 2 Công ty “Rita” và đi vào một phòng nhỏ đặt 02 chai nước suối trên bàn và mời anh N uống nước rồi kiểm tra đơn hàng, L mượn chứng minh nhân dân của anh N chụp lại, sau đó L nói để L cầm điện thoại di động Iphone 13 Pro Max 256 GB, màu Gold, mang vào cho Giám đốc Công ty kiểm tra, do tưởng L là nhân viên của Công ty nên anh N đồng ý.

L cầm hộp điện thoại bên trong có 01 máy điện thoại di động Iphone 13 Pro Max 256 GB, màu Gold đi ra ngoài và xuống sân Công ty “Rita” lấy xe mô tô Sirius màu đỏ đen, biển số 816.82 rồi bỏ điện thoại vào cốp xe tẩu thoát. Điện thoại mà L chiếm đoạt được L lên trang Web “Google” liên hệ và bán cho Huỳnh Minh T giá 30.000.000 đồng vào ngày 16/12/2021. Sau khi mua điện thoại của L, anh T bán lại cho anh Tạ Quang Nh, với giá 33.600.000 đồng. Sau khi bán được điện thoại, L tiêu xài hết số tiền vào việc cá nhân.

Kết luận định giá tài sản số 134-KV2/KLĐG-HĐĐGTS ngày 24/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max 256 GB, màu Gold có giá trị 35.660.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

01 DVD bên trong có chứa 04 đoạn video lưu lại hình ảnh L lừa đảo chiếm đoạt tài sản (lưu hồ sơ);

01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max 256 GB, màu Gold, số IMEI: 357177503131604; 01 hộp đựng điện thoại di động màu đen trên hộp có số IMEI: 357177503131604, đã trả lại cho Công ty Cổ phần Th.

02 chai nước hiệu “AQUAFINA” bên trong có chứa chất lỏng;

01 áo sơ mi vải tay dài màu trắng;

01 quần tây vải dài màu đen;

01 sợi dây nịt da màu đen;

01 đôi giày tây bằng da, màu đen có cột dây;

01 nón bảo hiểm màu trắng có sọc vàng đỏ nâu, có chữ màu đỏ Hoda Sơn Minh;

01 áo khoác bằng vải thun đen sọc màu trắng;

01 điện thoại di động hiệu ViVo màu đỏ đen, Model 1820 có số IMEI 1: 862449048754937; số IMEI 2: 862449048754929, sử dụng liên lạc để lừa đảo;

01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đen đỏ, biển số 816.82, số máy 1FC3137064, số khung RLCS1FC30FY137059. Qua xác minh xe mô tô biển số 60F1-816.82 do bà Trương Thị Thanh Gi (mẹ của L) đứng tên sở hữu. Ngày 18/6/2021 bà Gi chết. Kết quả lấy lời khai của Văn Võ L và chị Văn Thị Quỳnh M (em gái L) thì xe mô tô biển số 816.82 bà Gi đã cho con gái là chị M. Sau đó, L mượn xe mô tô biển số 816.82 của chị M sử dụng. Ngày 15/12/2021, L sử dụng xe đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chị M không biết.

Về dân sự:

Công ty Cổ phần T yêu cầu bị cáo Văn Võ L bồi thường số tiền 497.258.844 đồng;

Công ty Cổ phần Th đã nhận lại điện thoại, không yêu cầu bồi thường gì thêm;

Anh Tạ Quang Nh không yêu cầu bồi thường gì.

Cáo trạng số: 348/CT-VKS ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Văn Võ L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Văn Võ L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Văn Võ L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Tham ô tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Văn Võ L từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 10 năm tù đến 11 năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là từ 11 năm 06 tháng tù đến 13 năm tù.

Về xử lý vật chứng, đề nghị:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu ViVo màu đỏ đen, Model 1820 có số IMEI 1: 862449048754937; số IMEI 2: 862449048754929;

Tịch thu tiêu hủy: 02 chai nước hiệu “AQUAFINA” bên trong có chứa chất lỏng; 01 áo sơ mi vải tay dài màu trắng; 01 quần tây vải dài màu đen; 01 sợi dây nịt da màu đen; 01 đôi giày tây bằng da, màu đen có cột dây; 01 nón bảo hiểm màu trắng có sọc vàng đỏ nâu, có chữ màu đỏ Hoda Sơn Minh; 01 áo khoác bằng vải thun đen sọc màu trắng;

Trả lại xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển số 816.82 số máy 1FC3137064; số khung RLCS1FC30FY137059 cho chị Văn Thị Quỳnh M;

Buộc bị cáo bồi thường cho Công ty Cổ phần T số tiền 497.258.844 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy được hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Văn Võ L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo là khách quan, phù hợp với Biên bản ghi lời khai của bị cáo; Bản tự khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tang vật khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định:

[3] Văn Võ L là Giám đốc Chi nhánh Công ty T, địa chỉ: Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Showroom Lê Văn Việt), được giao quản lý chặt chẽ công nợ, tiền bán hàng hằng ngày, quản lý tài sản, hàng hóa tại Showroom. Văn Võ L đã lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản của Công ty Cổ phần T mà mình có trách nhiệm quản lý, tổng cộng là 497.258.844 đồng, cụ thể: Ngày 30/8/2019, L thu tiền hàng của khách hàng Nguyễn Thị Lan Ch chiếm đoạt số tiền 244.295.432 đồng. Ngày 07/01/2020, L thu tiền hàng của khách hàng Công ty Diệu L chiếm đoạt số tiền 96.728.372 đồng. Ngày 05/3/2020, L yêu cầu cấp dưới là nhân viên bán hàng Nguyễn Quang M thu tiền bán hàng và đưa cho L số tiền 35.735.040 đồng. Ngày 09/3/2020 và ngày 10/3/2020, L yêu cầu cấp dưới là nhân viên kế toán Nguyễn Thị D cung cấp mật khẩu kết sắt cho L, sau đó L mở kết sắt và chiếm đoạt số tiền 120.500.000 đồng.

[4] Sau khi bỏ trốn, ngày 15/12/2021, tại phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, L thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max 256 GB, màu Gold, có giá trị 35.660.000 đồng của Công ty Cổ phần Th.

[5] Hành vi của Văn Võ L đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Tham ô tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 và điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Lời khai của bị cáo đã thống nhất với tội danh và điều luật mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội đối với bị cáo. Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đối với bị cáo Văn Võ L là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan, tổ chức, xâm phạm quan hệ sở hữu tài sản của cơ quan, doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến hành ảnh của Công ty và dư luận tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[10] Đối với Huỳnh Minh T và Tạ Quang Nh là người mua điện thoại do L chiếm đoạt nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[11] Vật chứng vụ án:

[11.1] 01 điện thoại di động hiệu ViVo màu đỏ đen, Model 1820 có số IMEI 1: 862449048754937; số IMEI 2: 862449048754929. Đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[11.2] 02 chai nước hiệu “AQUAFINA” bên trong có chứa chất lỏng; 01 áo sơ mi vải tay dài màu trắng; 01 quần tây vải dài màu đen; 01 sợi dây nịt da màu đen; 01 đôi giày tây bằng da, màu đen có cột dây; 01 nón bảo hiểm màu trắng có sọc vàng đỏ nâu, có chữ màu đỏ Hoda Sơn Minh; 01 áo khoác bằng vải thun đen sọc màu trắng. Đây là trang phục bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không đồng ý nhận lại và là vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[11.3] 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển số 816.82, số máy 1FC3137064, số khung RLCS1FC30FY137059. Qua xác minh xe mô tô biển số 60F1-816.82 do bà Trương Thị Thanh Gi (mẹ của L) đứng tên sở hữu. Ngày 18/6/2021 bà Gi chết. Kết quả lấy lời khai của Văn Võ L và chị Văn Thị Quỳnh M (em gái L) thì xe mô tô biển số 816.82 bà Gi đã cho con gái là chị M. Sau đó, L mượn xe mô tô biển số 816.82 của chị M sử dụng. Ngày 15/12/2021, L sử dụng xe đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chị M không biết. Do đó, trả lại xe mô tô trên cho chị Văn Thị Quỳnh M.

[11.4] 01 DVD bên trong có chứa 04 đoạn video lưu lại hình ảnh L lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đây là chứng cứ vụ án đã được lưu trong hồ sơ vụ án, nên cần được tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[11.5] 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max 256 GB, màu Gold, số IMEI: 357177503131604; 01 hộp đựng điện thoại di động màu đen trên hộp có số IMEI: 357177503131604. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Công ty Cổ phần Th là đúng quy định pháp luật.

[12] Về dân sự:

[12.1] Công ty Cổ phần Th đã nhận lại điện thoại, không yêu cầu bồi thường gì thêm; anh Tạ Quang Nh không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

[12.2] Công ty Cổ phần T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 497.258.844 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho Công ty Cổ phần T số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần T.

[12.3] Về án phí: Bị cáo Văn Võ L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Văn Võ L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt bị cáo Văn Võ L 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 11 (mười một) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2021.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu ViVo màu đỏ đen, Model 1820 có số IMEI 1: 862449048754937; số IMEI 2: 862449048754929.

Tịch thu tiêu hủy: 02 chai nước hiệu “AQUAFINA” bên trong có chứa chất lỏng; 01 áo sơ mi vải tay dài màu trắng; 01 quần tây vải dài màu đen; 01 sợi dây nịt da màu đen; 01 đôi giày tây bằng da, màu đen có cột dây; 01 nón bảo hiểm màu trắng có sọc vàng đỏ nâu, có chữ màu đỏ Hoda Sơn Minh; 01 áo khoác bằng vải thun đen sọc màu trắng.

Trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển số 816.82, số máy 1FC3137064, số khung RLCS1FC30FY137059 cho chị Văn Thị Quỳnh M.

(theo Phiếu nhập kho số NK23/003C ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức).

3. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Văn Võ L phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T 497.258.844 đồng (bốn trăm chín mươi bảy triệu hai trăm năm mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Căn cứ vào Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Văn Võ L phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 23.890.354 (hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi ngàn ba trăm năm mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo; Bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Công an TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường